

Bản án số: 02/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 29/01/2021

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH HOÁ, TỈNH THÁI NGUYÊN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thiện Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Ngô Thị Hiền;

2. Bà Lương Thị Bông.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thành Huế - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Định Hoá, T Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, T Thái nguyên tham gia phiên tòa: Ông Đinh Ngọc Vĩnh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Định Hoá, T Thái nguyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 175/2020/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2020 về việc “ Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 1 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Tr, sinh ngày: 17/10/1990.

Nơi ĐKKHKT: Xóm NL, xã PC, huyện Đ, T Thái Nguyên.

Nơi ở hiện nay: Xóm B, xã BN, huyện Đ, T Thái Nguyên.

(Có mặt tại phiên tòa).

2. Bị đơn: Anh Bành Văn T, sinh ngày 29/02/ 1988.

Địa chỉ: Xóm NL, xã PC, huyện Đ, T Thái Nguyên.

Hiện đang chấp hành án phạt tù tại phân trại số 2, trại giam Quyết Tiến –C10-Bộ Công an.

(Vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, quá trình tố tụng giải quyết vụ án và tại phiên tòa ngày hôm nay nguyên đơn chị Phạm Thị Tr trình bày:

Chị và anh Bành Văn T kết hôn với nhau vào ngày 15/12/2011, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PC, huyện Đ, T Thái Nguyên. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn chị về nhà anh T làm dâu và chung sống cùng gia đình nhà chồng.

Cuộc sống vợ chồng có thời gian dài hòa thuận, hạnh phúc nhưng từ năm 2016, vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T ham chơi, cờ bạc không quan tâm đến gia đình, vợ con. Đến đầu năm 2019 chị phát hiện anh T sử dụng ma túy, chị và gia đình đã khuyên bảo, cho anh nhiều cơ hội để sửa đổi, cai nghiện nhưng anh T không thực hiện được mà ngày càng lún sâu hơn, dẫn đến vợ chồng thường xuyên to tiếng cãi cọ và xô sát nhau.. Chị đã về nhà bố mẹ đẻ tại xã BN, huyện Đ ở, vợ chồng chính thức sống ly thân từ tháng 5 năm 2019. Đến tháng 6 năm 2020 anh T vi phạm pháp luật, bị Công an huyện Đ bắt, bị kết án 12 tháng tù về tội trộm cắp tài sản hiện đang chấp hành án tại Trại giam Quyết Tiến. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ngày hôm nay chị Tr xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị cương quyết xin được ly hôn anh T

- Về con chung: Chị Tr xác định có một con chung là Bành Tùng Anh, sinh ngày 04/8/2012. Hiện cháu Bành Tùng Anh đang ở với chị tại xã BN, huyện Đ. Khi ly hôn chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Vì chị Tr hiện đang làm công nhân tại Công ty TNHH Hansol Electronics Việt Nam khu công nghiệp Yên Bình, Thị xã Phổ Yên, T Thái Nguyên, có thu nhập khoảng 6.000.000 đồng/ tháng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị Tr xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh T vắng mặt tại phiên tòa do anh đang chấp hành án tại trại giam Quyết Tiến, Bộ Công an. Nhưng tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, anh T trình bày. Anh và chị Tr kết hôn với nhau vào ngày 15/12/2011, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PC, huyện Đ, T Thái Nguyên. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2017 anh bắt đầu sử dụng ma túy dẫn đến anh không quan tâm, chăm sóc nhiều đến vợ con và gia đình. Đến khoảng tháng 9 năm 2019 chị Tr bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại xã BN sinh sống, anh chị sống ly thân từ đó đến nay. Tháng 6 năm 2020 anh phạm tội trộm cắp tài sản, bị kết án 12 tháng tù. Hiện anh đang chấp hành án tại trại giam Quyết Tiến, Bộ Công an. Từ khi anh đi chấp hành án, chị Tr không đến thăm anh lần nào. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn chị Tr xin ly hôn anh đồng ý.

- Về con chung: Anh T xác định có một con chung là Bành Tùng Anh, sinh ngày 04/8/2012. Hiện nay cháu Tùng Anh đang ở với chị Tr. Khi ly hôn anh đồng ý để chị Tr được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung. Chị Tr không yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con, anh đồng ý.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, chị Tr cương quyết xin ly hôn. Yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ xác định: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án; bị đơn hiện đang chấp

hành án tại Trại giam Quyết Tiến, Bộ Công an không có mặt tại phiên tòa. Tuy nhiên Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục đúng tổ tụng, đúng pháp luật vì vậy Tòa án nhân dân huyện Đ xét xử vắng mặt bị đơn tại phiên tòa đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận nội dung khởi kiện của chị Phạm Thị Tr, cho ly hôn giữa chị Phạm Thị Tr và anh Bành Văn T; Về con chung: Giao cháu Bành Tùng Anh, sinh ngày 04/8/2012 cho chị Phạm Thị Tr trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi, lao động tự túc được. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Bành Văn T; Về tài sản chung, nợ chung: Chị Tr và anh T không có tài sản chung. Không yêu cầu Tòa án giải quyết, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Tr phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên quyền kháng cáo bản án.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ theo quy định của pháp luật, Tòa án không tiến hành hòa giải để vợ chồng anh, chị về đoàn tụ được do anh T đang chấp hành án tại Trại giam Quyết Tiến. Vì vậy vụ án được đưa ra xét xử công khai ngày hôm nay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Tòa án nhận định:

- Về tố tụng: Đây là vụ án về ly hôn và tranh chấp về nuôi con. Bị đơn có nơi cư trú tại huyện Đ, T Thái Nguyên. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Định Hóa, T Thái Nguyên theo quy định tại các Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn hiện đang chấp hành án tại trại giam Quyết Tiến, Bộ Công an, đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng và bị đơn đã có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp, đúng quy định.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập tài liệu, chứng cứ bằng biện pháp xác minh, lấy lời khai của đương sự. Tại phiên tòa sơ thẩm ngày hôm nay có sự tham gia của Viện kiểm sát nhân dân theo khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự là phù hợp, đúng quy định của pháp luật.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Tr và anh Bành Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Đây là hôn nhân hợp pháp.

- Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Tr nhận thấy: Từ năm 2016 trong ăn ở sinh hoạt hàng ngày giữa chị Tr, anh T đã luôn xảy ra mâu thuẫn, cãi cọ nhau, vợ chồng không có tiếng nói chung trong cuộc sống. Nguyên nhân, chị Tr xác định do anh T ham chơi, cờ bạc và sử dụng ma túy không quan tâm đến gia đình, vợ con. Anh T xác định những lời khai của chị Tr là đúng, do anh sử dụng ma túy nên ít quan tâm, chăm sóc gia đình, vợ con. Hiện anh T đang chấp hành án tại trại giam Quyết Tiến, Bộ Công an, vợ chồng anh, chị ly thân từ tháng 5 năm 2019 đến nay. Từ khi anh T đi chấp hành án, chị Tr không đến thăm anh lần nào. Nay anh, chị không còn quan tâm đến nhau nữa dẫn đến việc chị Tr xin ly hôn. Điều đó cho thấy mâu thuẫn vợ

chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, yêu cầu xin ly hôn của chị Tr là có căn cứ, đúng thực tế cần được chấp nhận.

- Xét yêu cầu xin nuôi con của chị Tr. Hội đồng xét xử nhận thấy: Chị Tr, anh T có một con chung là cháu Bành Tùng Anh, sinh ngày 04/8/2012, hiện nay cháu đang ở với chị Tr.

Quá trình giải quyết tại Tòa án cũng như tại phiên tòa hôm nay chị Tr xin được nuôi con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Chị Phạm Thị Tr hiện đang làm công nhân tại công ty Hansol có trụ sở tại khu công nghiệp Yên Bình, thị xã Phố Yên, đang ở cùng nhà bố mẹ đẻ tại xã BN, huyện Đ ổn định. Ngoài ra, con anh chị còn nhỏ cần có sự chăm sóc, giáo dục của người phụ nữ, đặc biệt là của người mẹ. Do vậy, cần giao con chung của anh, chị cho chị Phạm Thị Tr trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị Phạm Thị Tr và anh Bành Văn T đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Chị Phạm Thị Tr phải chịu dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, 147, Khoản 2 Điều 227, 228, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 9, 51, 53, 56, 59, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Tr được ly hôn anh Bành Văn T

2. Về con chung: Giao cháu Bành Tùng Anh, sinh ngày 04/8/2012 cho chị Phạm Thị Tr trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi), lao động tự túc được. Anh Bành Văn T có quyền, thăm nom con mà không ai được cản trở.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh T do chị Tr tự nguyện không yêu cầu.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Phạm Thị Tr và anh Bành Văn T đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị Tr phải chịu 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0005210 ngày 14/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ. Chị Tr đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn, báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Vắng mặt bị đơn tại phiên tòa, báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân T Thái Nguyên;
- VKSND huyện Định Hóa (2 bản);
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Nguyên đơn, Bị đơn (trại giam Quyết Tiến);
- UBND xã PC;
- lưu Hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thiện Hoàng

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỊNH HÓA
TỈNH THÁI NGUYÊN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN PHIÊN TÒA DÂN SỰ SƠ THẨM

Vào hồi 09 giờ 00 phút, ngày 29 tháng 01 năm 2021

Tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Đ, T Thái Nguyên.

Tòa án nhân dân huyện Đ, T Thái Nguyên mở phiên xét xử sơ thẩm vụ án HNGĐ thụ lý số: 175/2020/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2020 về việc “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình”.

Vụ án được xét xử công khai.

I. Những người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Tr, sinh năm: 1990

HKTT: Xóm NL, xã PC, huyện Đ, T Thái Nguyên.

Tạm trú: Xóm B, xã BN, huyện Đ, T Thái Nguyên.

(Có mặt tại phiên tòa)

Bị đơn: Anh Bành Văn T, sinh năm: 1988.

HKTT: Xóm NL, xã PC, huyện Đ, T Thái Nguyên.

Hiện đang chấp hành án tại phân trại 2, trại giam Quyết Tiến C10, Bộ Công an.

(Vắng mặt tại phiên tòa- có đơn xin xét xử vắng mặt)

II. Những người tiến hành tố tụng:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thiện Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân: 1) Bà Lương Thị Bông;

2) Bà Ngô Thị Hiền.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thành Huế – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, T Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: Ông Đinh Ngọc Vĩnh - Kiểm sát viên.

III. Phần thủ tục bắt đầu phiên tòa:

- Chủ tọa phiên tòa tuyên bố khai mạc phiên tòa và đọc quyết định đưa vụ án ra xét xử.

- Thư ký phiên tòa báo cáo với Hội đồng xét xử về sự có mặt, vắng mặt của những người tham gia phiên tòa: Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Tr– có mặt; Bị đơn: Anh Bành Văn T– vắng mặt.

- Chủ tọa phiên tòa kiểm tra lại sự có mặt của những người tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập, giấy báo của Tòa án và kiểm tra căn cước của đương sự; phổ biến quyền, nghĩa vụ của các đương sự và của những người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa.

- Chủ tọa phiên tòa giới thiệu họ tên, những người tiến hành tố tụng.

Hỏi: Tại phiên tòa ngày hôm nay nguyên đơn có yêu cầu thay đổi những người tiến hành tố tụng mà chủ tọa thay mặt Hội đồng xét xử vừa công bố không?

Đáp: Tôi nhất trí không thay đổi ai.

Hỏi: Tại phiên tòa ngày hôm nay chị Tr có thay đổi, bổ sung hay rút yêu cầu khởi kiện của mình hay không?

Đáp: Tôi giữ nguyên yêu cầu khởi kiện không bổ sung hay rút yêu cầu nào.

Kiểm sát viên nhất trí, không đề nghị thay đổi ai.

- Chủ tọa hỏi những người tham gia tố tụng có yêu cầu triệu tập những người làm chứng, người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa hay không?

Đáp: Nguyên đơn trả lời không yêu cầu triệu tập người làm chứng, người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa.

Kiểm sát viên không cung cấp gì thêm. Không yêu cầu triệu tập người làm chứng, người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa.

- Chủ tọa hỏi vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về phần thủ tục bắt đầu phiên tòa.

- KSV: Chủ tọa phiên tòa đã thay mặt Hội đồng xét xử thực hiện đúng và đầy đủ phần thủ tục bắt đầu phiên tòa theo quy định của pháp luật, đại diện Viện kiểm sát không có ý kiến gì thêm, đề nghị HĐXX tiếp tục làm việc.

- Chủ tọa tuyên bố kết thúc phần thủ tục bắt đầu phiên tòa, chuyển sang phần tranh tụng.

IV. Phần tranh tụng tại phiên tòa:

1. Trình bày của đương sự:

Nguyên đơn: Tôi và anh Bành Văn T kết hôn với nhau vào ngày 15/12/2011, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PC, huyện Đ, T Thái Nguyên. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn tôi về nhà anh T làm dâu và chung sống cùng gia đình nhà chồng. Cuộc sống vợ chồng có thời gian dài hòa thuận, hạnh phúc nhưng từ năm 2016, thì vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T ham chơi, cờ bạc không quan tâm đến gia đình, vợ con. Đến đầu năm 2019 tôi phát hiện anh T sử dụng ma túy, tôi và gia đình đã khuyên bảo, cho anh nhiều cơ hội để sửa đổi, cai nghiện nhưng anh T không thực hiện được mà ngày càng lún sâu hơn, dẫn đến vợ chồng thường xuyên to tiếng cãi cọ và xô sát nhau. Vợ chồng không có tiếng nói chung, sống không hạnh phúc, vì con, vì gia đình tôi đã chịu đựng nhiều lần nhưng đến nay tôi không thể chịu đựng được nữa. Tôi đã về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng chính thức sống ly thân từ tháng 5 năm 2019. Đến tháng 6 năm 2020 anh T vi phạm pháp luật, bị Công an huyện Đ bắt, bị kết án 12 tháng tù về tội trộm cắp tài sản. Nay tôi xác định tình cả không còn, tôi không còn quan tâm đến anh T nữa, Tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Bành Văn T.

Về con chung: Tôi và anh T có một con chung là Bành Tùng Anh, sinh ngày 04/8/2012. Khi ly hôn tôi yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Tôi và anh T không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Bị đơn anh Bành Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt. Chủ tọa phiên tòa đã đọc công bố lời khai của anh T: Khi được Thẩm phán công bố yêu cầu khởi kiện và lời khai của chị Tr, anh T nhất trí với thời gian tìm hiểu, kết hôn và thời gian mâu thuẫn cũng như mâu thuẫn giữa anh và chị Tr. Anh khai từ năm 2017 anh bắt đầu sử dụng ma túy dẫn đến anh không quan tâm, chăm sóc nhiều đến vợ con và gia đình. Đến khoảng tháng 9 năm 2019 chị Tr về nhà bố mẹ đẻ tại xã BN sinh sống

anh, chị sống ly thân từ đó đến nay. Hiện anh đang chấp hành án tại trại giam Quyết Tiến, Bộ Công an. Từ khi anh đi chấp hành án, chị Tr không đến thăm anh lần nào. Nay chị Tr xin ly hôn anh, anh đồng ý.

Về con chung: Anh T xác định vợ chồng có một con chung là Bành Tùng Anh, sinh ngày 04/8/2012. Khi ly hôn anh đồng ý để chị Tr được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Chị Tr không yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con, anh đồng ý.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh T xác định không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

2. Hỏi và trả lời tại phiên tòa:

- Chủ tọa: Chị Tr cho biết, chị và anh T kết hôn vào thời gian nào? Có đăng ký kết hôn không? Việc kết hôn có tự nguyện không?

- Đáp: Tôi và anh T đăng ký kết hôn vào ngày 15/12/2011 tại UBND xã PC, huyện Đ trên tinh thần hoàn toàn tự nguyện và được gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương.

- Hỏi: Chị Tr cho biết quá trình chung sống của hai vợ chồng như thế nào?

- Đáp: Sau khi cưới, tôi và anh T sống chung với nhau tại gia đình nhà anh T tại xã PC, huyện Đ.

- Hỏi: Lý do xin ly hôn?

- Đáp: Do anh T ham chơi, cờ bạc không quan tâm đến gia đình, vợ con. Đến đầu năm 2019 tôi phát hiện anh T sử dụng ma túy.

- Hỏi: Anh, chị có sống ly thân không?

- Đáp: Tôi và anh T sống ly thân từ tháng 5/2019 đến nay.

- Hỏi: Từ khi chị và con về nhà bố mẹ đẻ tại xã BN anh T có đến đón chị và con về không?

- Đáp: Anh T không đến đón lần nào.

- Hỏi: Anh T đang làm gì, ở đâu?

- Đáp: Theo tôi được biết anh T hiện đang chấp hành án tại trại giam Quyết Tiến ở Tuyên Quang

- Hỏi: Anh T đi chấp hành án từ khi nào, về tội gì?

- Đáp: Vì sống ly thân nên tôi không nắm rõ anh T đi chấp hành án từ bao giờ, chỉ biết anh T bị bắt về tội trộm cắp.

- Hỏi: Từ khi anh T đi chấp hành án chị có đến thăm anh T tại trại giam lần nào không?

- Đáp: Tôi không đến thăm lần nào.

- Hỏi: Sao chị không đến thăm anh T, dù sao cũng vẫn là vợ chồng, sao chị không đến thăm để động viên anh T để anh cải tạo tốt sớm trở về với gia đình?

- Đáp: Do bận công việc và tôi cũng không còn quan tâm đến anh T nữa nên tôi không đến thăm.

- Hỏi: Anh, chị có mấy con chung?

- Đáp: Tôi và anh T có một con chung là Bành Tùng Anh, sinh ngày 04/8/2012.

- Hỏi: Khi ly hôn con ở với ai?

- Đáp: Khi ly hôn tôi yêu cầu được nuôi con chung

- Hỏi: Có yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung không?
 - Đáp: Tôi không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.
 - Hỏi: Chị hiện nay đang làm gì? ở đâu? Thu nhập bao nhiêu?
 - Đáp: Hiện tôi đang làm công nhân tại công ty Hansol có trụ sở tại thị xã Phổ Yên, T Thái Nguyên. Thu nhập khoảng 5.000.000đ đến 6.000.000đ.
 - HTND hỏi: Chị đã suy nghĩ kỹ khi quyết định ly hôn chưa.
 - Đáp: Tôi đã suy nghĩ kỹ rồi
 - HTND hỏi: Chị có đảm bảo nuôi được cháu một cách chu đáo không?
 - Đáp: Tôi đảm bảo cuộc sống của cháu
 - HTND hỏi: Chị chỉ đáp ứng được nhu cầu ăn học thế chị có nghĩ đến khi cháu đến tuổi trưởng thành cháu sẽ cảm thấy thiếu thốn tình cảm của bố không?
 - Đáp: tôi sẽ cố gắng bù đắp hết cho cháu để đảm bảo cháu phát triển bình thường như những đứa trẻ khác.
 - HTND hỏi: Chị có nghĩa cho anh T cơ hội để khi anh T cải tạo trở về để gia đình đoàn tụ không.
 - Đáp: Tôi và gia đình đã cho anh T nhiều cơ hội nhưng anh T không thay đổi và không chịu đi cai nghiện để làm lại.
 - HTND hỏi: Chị lấy gì để đảm bảo cuộc sống nuôi con một mình không?
 - Đáp: Tôi hiện đang làm công nhân có thu nhập ổn định.
- Đại diện VKS không hỏi gì thêm.
 Chủ tọa tuyên bố kết thúc phần hỏi chuyển sang phần tranh luận.

3. Tranh luận tại phiên tòa:

- Chủ tọa: Nguyên đơn trình bày quan điểm tranh luận?
- Nguyên đơn không có tranh luận gì.
- Chủ tọa: Đề nghị vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng trong vụ án và quan điểm về việc giải quyết vụ án.
- KSV phát biểu:

Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án; **bị đơn hiện đang chấp hành án tại Trại giam Quyết Tiến, Bộ Công an không có mặt tại phiên tòa. Tuy nhiên Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục đúng tố tụng, đúng pháp luật vì vậy Tòa án nhân dân huyện Đ xét xử vắng mặt bị đơn tại phiên tòa đảm bảo đúng quy định của pháp luật.**

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Tr, cho chị Tr được ly hôn anh T.

Về con chung: Giao cháu Bành Tùng Anh, sinh ngày 04/8/2012 cho chị Phạm Thị Tr trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh T..

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Tr và anh T không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Chị Tr phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên quyền kháng cáo bản án.

- Chủ tọa: Chị Phạm Thị Tr có nghe rõ quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát không? Chị có ý kiến gì tranh luận không?

- Đáp: Tôi đã nghe rõ, nhất trí và không có ý kiến gì tranh luận.

- Chủ tọa: Không ai có ý kiến tranh luận, thay mặt HĐXX tôi tuyên bố kết thúc phần tranh luận, HĐXX vào phòng nghị án.

Hội đồng xét xử vào phòng nghị án để nghị án.

Hội đồng xét xử vào phòng xử án và tuyên án.

Chủ tọa phiên tòa thay mặt HĐXX tuyên toàn văn bản án gốc đã được HĐXX thông qua tại phòng nghị án.

Những sửa đổi, bổ sung theo yêu cầu của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng:

Không có.

Phiên tòa kết thúc vào hồi 10 giờ 10 phút, ngày 29 tháng 01 năm 2021.

THƯ KÝ PHIÊN TÒA

THẨM PHÁN – CHỦ TÒA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thành Huế

Trần Thiện Hoàng

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỊNH HÓA
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 09 giờ 55 phút, ngày 29 tháng 01 năm 2021

Tại: Tòa án nhân dân huyện Đ, T Thái Nguyên.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thiện Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Ngô Thị Hiền;

2. Bà Lương Thị Bông.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 175/2020/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2020 về tranh chấp hôn nhân gia đình giữa:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Tr, sinh năm: 1990

HKTT: Xóm NL, xã PC, huyện Đ, T Thái Nguyên.

Tạm trú: Xóm B, xã BN, huyện Đ, T Thái Nguyên.

Bị đơn: Anh Bành Văn T, sinh năm: 1988.

HKTT: Xóm NL, xã PC, huyện Đ, T Thái Nguyên.

Hiện đang chấp hành án tại phân trại 2, trại giam Quyết Tiến C10, Bộ Công an.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Không

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của những người tham gia tố tụng, Kiểm sát viên, Hội đồng xét thảo luận toàn bộ những vấn đề cần giải quyết của vụ án và đi đến biểu quyết cụ thể như sau:

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

- Về điều luật áp dụng: Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; 147; 271 và 273 của bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 51; 53; 56; 81; 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Kết quả biểu quyết 3/3.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Tr được ly hôn anh Bành Văn T.

Kết quả biểu quyết: 3/3

- Về con chung: Giao cháu Bành Tùng Anh, sinh ngày 04/8/2012 cho chị Phạm Thị Tr trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi), lao động tự túc được. Anh Bành Văn T có quyền, thăm nom con mà không ai được cản trở.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh T do chị Tr tự nguyện không yêu cầu.

Kết quả biểu quyết: 3/3

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị Phạm Thị Tr và anh Bành Văn T đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy không đặt ra xem xét, giải quyết.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

- Về án phí: Chị Phạm Thị Tr phải chịu 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0005210 ngày 14/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ. Chị Tr đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Kết quả biểu quyết: 3/3

- Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn, báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Vắng mặt bị đơn tại phiên tòa, báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

Nghị án kết thúc vào hồi 10 giờ 05 phút cùng ngày.

Biên bản nghị án được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA